

Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Công khai quyết toán ngân sách năm 2025

- Căn cứ Quyết định số 179-QĐ/VHLKHCNVN ngày 28/4/2026 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện Hóa học;
- Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026 của Bộ Tài chính về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ báo cáo quyết toán năm 2025 của Viện Hóa học;
- Căn cứ thông báo số 1085-TB/VHLKHCNVN ngày 09/7/2026 của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2025;
- Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý tổng hợp.

VIỆN TRƯỞNG VIỆN HÓA HỌC
QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2025 của Viện Hóa học (Quyết toán thu - chi ngân sách năm 2025 đính kèm)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý tổng hợp, Kế toán trưởng và Trưởng các đơn vị trực thuộc thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Q.3

K/T VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Hoàng Mai Hà



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 455/QĐ-VHH ngày 17/7/2026 của Viện Hóa học)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí			
1	Lệ phí			
2	Phí			
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại			
1	Chi sự nghiệp			
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước			
1	Lệ phí			
2	Phí			
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước			
I	Nguồn ngân sách trong nước	76,285.7	76,285.7	
1	Chi quản lý hành chính			
11	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ			
12	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ			
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	75,716.6	75,716.6	
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	24,985.0	24,985.0	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ			
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	24,985.0	24,985.0	
22	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	24,374.4	24,374.4	
23	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	26,357.2	26,357.2	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	26,357.2	26,357.2	
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo			
31	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
32	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
41	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
42	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
5	Chi bảo đảm xã hội			
51	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
52	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
6	Chi hoạt động kinh tế	569.1	569.1	



61	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
62	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	569.1	569.1	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
71	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
72	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
81	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
82	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
91	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
92	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
101	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
102	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
II	Nguồn vốn viện trợ	1,271.3	1,271.3	
1	Chi quản lý hành chính			
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	1,271.3	1,271.3	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
5	Chi bảo đảm xã hội			
6	Chi hoạt động kinh tế			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
III	Nguồn vay nợ nước ngoài			
1	Chi quản lý hành chính			
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
5	Chi bảo đảm xã hội			
6	Chi hoạt động kinh tế			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			

